



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng kiểm nghiệm**
Laboratory: **Laboratory**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Thủy sản sạch Việt Nam**
Organization: **Viet Nam Clean Seafood Corporation (VINA CLEANFOOD)**

Số hiệu/ Code: **VILAS 941**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Sinh, Hóa**
Field: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Trần Thanh Lan**
Laboratory manager: **Tran Thanh Lan**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 24/12/2030**

Địa chỉ: **Lô F, Khu Công nghiệp An Nghiệp, xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**
Address: **Block F, An Nghiep Industrial Zone, An Ninh Commune, Can Tho City, Vietnam**

Địa điểm: **Lô F, Khu Công nghiệp An Nghiệp, xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**
Location: **Block F, An Nghiep Industrial Zone, An Ninh Commune, Can Tho City, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 299 3 646 678**

Email: **lab@cleanfood.com.vn**

Website: **www.cleanfood.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 941****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thủy sản (Tôm và sản phẩm của tôm) <i>Fishery (Shrimp and shrimp product)</i>	Định lượng vi sinh vật tổng số Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
2.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony count technique</i>		ISO 4832:2006
3.		Phát hiện <i>Escherichia coli</i> giả định <i>Detection of presumptive Escherichia coli</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/g	ISO 7251:2005/ Amd 1:2023
4.		Định lượng Staphylococci dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) <i>Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)</i>		ISO 6888-1:2021/ Amd1:2023
5.		Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i> <i>Detection of Vibrio parahaemolyticus</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/25g	ISO 21872-1:2017/ Amd 1:2023
6.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ : 3 CFU/25g	ISO 6579:2017/ Amd 1:2020

Ghi chú/Note:

- ISO: *International Organization for Standardization*
- Amd: *Phần bổ sung/Amendment*
- eLOD₅₀: *Estimated LOD₅₀*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 941

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản <i>Fisheries and fishery products</i>	Xác định dư lượng Chloramphenicol, Flofenicol Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of Chloramphenicol, Flofenicol residue LC/MS/MS method</i>	0,05 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i>	SOP/KN01-Chap I (2024)
2.		Xác định dư lượng các chất chuyển hóa của Nitrofuran (AOZ, AMOZ, AHD, SEM) Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of Nitrofuran residue LC/MS/MS method</i>	0,2 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i>	SOP/KN01-Chap II (2024)
3.		Xác định dư lượng nhóm Tetracycline: Tetracycline (TTC), Oxytetracycline (OTC), Doxycycline (DOC), Chlotetracycline (CTC) Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of Tetracycline residue: Tetracycline (TTC), Oxytetracycline (OTC), Doxycycline (DOC), Chlotetracycline (CTC) LC/MS/MS method</i>	2 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i>	SOP/KN01-Chap III (2024)
4.		Xác định dư lượng Malachite green/Leuco Malachite green, Crystal violet, Leuco Crystal Violet, Ivermectine/Abamectine Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of Malachite green, Crystal violet, Leuco Crystal Violet, Ivermectine/Abamectine residue LC/MS/MS method</i>	Malachite green/Leuco Malachite green: 0,5 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i> Crystal violet, Leuco Crystal Violet, Ivermectine/Abamectine: 1 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i>	SOP/KN01-Chap IV (2024)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 941**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
5.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản <i>Fisheries and fishery products</i>	Xác định dư lượng Fluoroquinolone (Enrofloxacin, Ciprofloxacin, Flumequine, Norfloxacin), Sulfonamides (Sulfadiazine, Sulfamethoxazole, Sulfamerazine, Sulfamethazine) Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of Fluoroquinolone, Sulfonamides residue LC/MS/MS method</i>	1 µg/kg Mỗi chất/ <i>Each compound</i>	SOP/KN01-Chap V (2024)

Ghi chú/Note:

- SOP/KN: Phương pháp thử do PTN xây dựng /*Laboratory developed method*
- Ref: phương pháp tham khảo/*reference method*
- ISO: *International Organization for Standardization*

Trường hợp Công ty Cổ phần Thủy sản sạch Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Thủy sản sạch Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Viet Nam Clean Seafood Corporation (VINA CLEANFOOD) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*